

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM NHẪM BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

LƯU TÙNG LÂM *

Tóm tắt: Ở Việt Nam, khuôn khổ pháp lý hiện hành về tiền gửi tại các ngân hàng thương mại đóng vai trò là cơ chế nền tảng để bảo vệ tiền gửi của người tiêu dùng tài chính trước những rủi ro liên quan đến tình trạng ngân hàng mất khả năng thanh toán. Tuy nhiên, hiệu quả của các quy định này thường bị thách thức bởi những hạn chế giữa khả năng thích ứng với bối cảnh tài chính hiện hữu. Đặc biệt, những biến động của hệ thống tài chính-ngân hàng sau đại dịch COVID-19 và xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đã đặt ra nhu cầu hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tiền gửi tại ngân hàng thương mại để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền. Bài viết này nghiên cứu và đánh giá các quy định pháp luật về tiền gửi tại ngân hàng thương mại để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về tiền gửi tại Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tiền gửi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.

Từ khóa: Tiền gửi; ngân hàng thương mại; người gửi tiền; hội nhập quốc tế; bảo vệ người gửi tiền

Nhận bài: 05/9/2025

Hoàn thành biên tập: 30/5/2026

Duyệt đăng: 30/5/2026

IMPROVING THE LAW ON DEPOSITS AT COMMERCIAL BANKS IN VIETNAM FOR THE PROTECTION OF DEPOSITORS IN THE CONTEXT OF INTERNATIONAL INTEGRATION

Abstract: The current legal framework for deposit at commercial banks in Vietnam serves as a fundamental mechanism to protect consumers' deposits from risks related to bank insolvency. However, the effectiveness of these laws is often challenged by limitations in their ability to adapt to the changing financial landscape. In particular, the instability of the global financial and banking system after the COVID-19 pandemic and the incident at Saigon Commercial Bank (SCB) in late 2022 in Vietnam have raised the need to improve the legal framework for deposits at commercial banks to protect the legitimate rights and interests of depositors. Therefore, this article studies and evaluates legal provisions on deposits at commercial banks to protect the legitimate rights and interests of depositors, evaluates the current state of Vietnamese law on deposits, thereby proposes some solutions to improve Vietnamese law on deposits to protect the legitimate rights and interests of depositors.

Keywords: Deposits; commercial bank; depositor; international integration; protecting depositors

Received: 5 September 2025; Editing completed: 30 May 2026; Accepted for publication: 30 May 2026

1. Đặt vấn đề

Tiền gửi tại ngân hàng thương mại (NHTM) đóng vai trò quan trọng trong hệ thống tài chính của một quốc gia. Đây không chỉ là phương tiện cất trữ, thanh toán an

toàn, hiệu quả cho người dân và doanh nghiệp, mà còn là nguồn vốn chủ yếu để các NHTM thực hiện hoạt động tín dụng, đầu tư, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế¹.

* Thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Phenikaa
E-mail: lam140196@gmail.com

¹ Mishkin, F. S. (2019), *The Economics of Money, Banking, and Financial Markets*, 12th edition, Pearson, chapter 2, tr. 17 - 18.

Sự ổn định và niềm tin vào hệ thống tiền gửi ngân hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính ngân hàng². Việc mở cửa thị trường, thu hút đầu tư nước ngoài và tham gia vào các hiệp định thương mại tự do đã mang lại nhiều cơ hội phát triển cho hệ thống ngân hàng (HTNH) Việt Nam. Tuy nhiên, bối cảnh hội nhập quốc tế cũng đặt ra nhiều thách thức mới, đòi hỏi hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động ngân hàng nói chung và tiền gửi tại NHTM nói riêng cần phải được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của một nền kinh tế mở cửa và cạnh tranh³.

Thực tế cho thấy, pháp luật hiện hành về tiền gửi tại NHTM ở Việt Nam vẫn còn tồn tại một số hạn chế và bất cập nhất định, nhất là trong quá trình chuyển đổi số⁴. Những vấn đề như cơ chế bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền khi NHTM gặp rủi ro, quy định về minh bạch thông tin, giải quyết tranh chấp, cũng như sự tương thích với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế trong lĩnh vực này vẫn cần được xem xét và hoàn thiện⁵. Trong bối cảnh

hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc thiếu một khung pháp lý hoàn chỉnh và hiệu quả có thể làm giảm niềm tin của người dân và nhà đầu tư vào HTNH Việt Nam, đồng thời tạo ra những rủi ro tiềm ẩn cho sự ổn định tài chính quốc gia.

Xuất phát từ tầm quan trọng của tiền gửi, những thách thức đặt ra trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự cần thiết phải bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền một cách hiệu quả, việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về tiền gửi tại NHTM ở Việt Nam nhằm bảo vệ người gửi tiền trong bối cảnh hội nhập quốc tế là yêu cầu cấp thiết, đặc biệt trong việc xác định rõ khái niệm, đặc tính của tiền gửi và pháp luật về tiền gửi, đánh giá những hạn chế của pháp luật về tiền gửi ở Việt Nam hiện nay, từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về tiền gửi nhằm bảo vệ người gửi tiền tại NHTM trong giai đoạn hiện nay.

Để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra, bài viết sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, được sử dụng để nghiên cứu các quy định của pháp luật về tiền gửi kết hợp với phương pháp so sánh luật học, đóng vai trò mở rộng góc nhìn nghiên cứu, giúp chỉ ra các vấn đề còn tồn tại đối với pháp luật về tiền gửi tại Việt Nam trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của người gửi tiền.

2. Khái quát về tiền gửi tại ngân hàng thương mại và pháp luật về tiền gửi tại ngân hàng thương mại

Hoạt động nhận tiền gửi đã xuất hiện từ

tiền gần đến các chuẩn mực an toàn quốc tế, <https://diendandoanhnghiep.vn/dua-he-thong-ngan-hang-viet-nam-tien-gan-den-cac-chuan-muc-an-toan-quoc-te-10158001.html>, truy cập 14/12/2025.

² Phạm Thị Hồng Nhung, Bùi Thị Ngọc, Nguyễn Thị Thanh, (2024), “Nghiên cứu Chiến lược phát triển phát triển ngành ngân hàng - Thực trạng và một số khuyến nghị”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, kì 2 tháng 4, số 262, tr. 19 - 20.

³ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2030.

⁴ Hà Anh (2024), *Hoàn thiện pháp lý và chuẩn hoá hạ tầng kỹ thuật: Tạo nền tảng thúc đẩy số hoá ngân hàng*, <https://tapchinganhang.gov.vn/hoan-thien-phap-ly-va-chuan-hoa-ha-tang-ky-thuat-tao-nen-tang-thuc-day-so-hoa-ngan-hang-523.html>, truy cập 14/12/2025.

⁵ Lê Mỹ (2025), *Đưa hệ thống ngân hàng Việt Nam*

xa xưa khi của cải, vật chất mà con người sản xuất ra bắt đầu được tích lũy. Nguồn gốc của hoạt động nhận tiền gửi có thể truy vết từ nhiều nền văn minh cổ đại khác nhau từ phương Đông cho tới phương Tây như: Hy Lạp, La Mã, Ai Cập, Babylon⁶...

Cấu trúc pháp lý hiện hành của hoạt động ngân hàng, đặc biệt là hoạt động nhận tiền gửi, là kết quả của quá trình hoàn thiện pháp luật nhằm giải quyết nhu cầu về vốn trong nền kinh tế và đồng thời bảo vệ các bên tham gia vào hoạt động ngân hàng. Ngày nay, mối quan hệ giữa NHTM với khách hàng gửi tiền là sự kế thừa và phát triển của các hình thức huy động vốn truyền thống. Những lợi ích kinh tế-xã hội mà hoạt động ngân hàng mang lại cho thấy sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Hoạt động nhận tiền gửi, trong quá trình phát triển, đã cho thấy sự thay đổi không ngừng trong bản chất pháp lý của nó cùng mối quan hệ giữa người gửi tiền và bên nhận tiền gửi.

2.1. Khái niệm và đặc trưng của tiền gửi tại ngân hàng thương mại

Trong lĩnh vực pháp luật ngân hàng, tiền gửi có vai trò trung tâm, vừa là nguồn tài chính chủ yếu hình thành từ hoạt động huy động vốn của NHTM, vừa là yếu tố nền tảng trong hoạt động của HTNH. Hiểu đơn giản, tiền gửi là số tiền mà khách hàng gửi vào tài khoản mở tại NHTM có hoạt động nhận tiền gửi qua đó xác lập nghĩa vụ hoàn trả của NHTM đối với khách hàng. Một số đặc tính của tiền gửi:

- Tính an toàn của tiền gửi đã được thể hiện ngay trong nguồn gốc của thuật ngữ này. Tiền gửi tiếng Anh là “deposit”, có nguồn gốc từ tiếng Latin “depositum”, một thuật ngữ Latin có nghĩa gốc là “việc đặt xuống” hoặc “việc gửi gắm”. Trong ngữ cảnh pháp lý và kinh tế, thuật ngữ này được sử dụng để chỉ hành động giao một tài sản cho người khác giữ gìn hoặc để bảo đảm cho một nghĩa vụ xác định. Thuật ngữ này nhấn mạnh đến việc thực hiện gửi tiền phải có mục đích trước hết là giữ an toàn cho tiền gửi. Tính an toàn được thể hiện ở ba yếu tố là: 1) yếu tố tự nguyện: việc giao tài sản phải được thực hiện một cách tự nguyện, không bị ép buộc; 2) yếu tố tạm thời: tài sản được giao chỉ trong một thời gian nhất định; 3) yếu tố hoàn trả: người giữ tài sản có nghĩa vụ trả lại tài sản cho người gửi khi có yêu cầu.

- Tính thanh khoản của tiền gửi là yếu tố cơ bản của người gửi tiền, bảo đảm rằng họ có thể rút hoặc chuyển tiền mà không gặp trở ngại không đáng có. Những trở ngại có thể về thời gian, không gian hay khả năng hoàn trả của ngân hàng tại thời điểm được yêu cầu. Cơ sở pháp lý cho quyền tiếp cận tiền gửi bắt nguồn từ hợp đồng được thỏa thuận giữa các bên và hiện hữu trong các quy định khác nhau của hệ thống pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền đồng thời duy trì tính toàn vẹn của HTNH.

- Tính sinh lợi của tiền gửi là lợi nhuận mà người gửi tiền nhận được khi gửi tiền cho người/tổ chức nhận tiền gửi. Khả năng sinh lợi thường được tính dựa trên số tiền gốc được gửi, lãi suất mà ngân hàng cung cấp và thời gian gửi tiền. Tính sinh lợi của tiền gửi cũng thay đổi dựa theo nhiều nền

⁶ Maciej Mikliński (2021), “The origins and evolution of deposit banking activities - analysis of the literature”, *Financial Law Review*, No. 23(3), tr. 129, 130, 135.

văn hoá, tôn giáo khác nhau. Khả năng cung cấp lãi suất từ tiền gửi có thể truy vết từ thời cổ đại hàng ngàn năm trước. Trong Kinh Thánh bản Vua James, Ma-thi-ơ 25:27, dụ ngôn về những người làm vườn, người chủ khi trở về sau một thời gian dài đi xa đã khiển trách người hầu “lười biếng” vì ít nhất đã không gửi số tiền còn lại của mình vào ngân hàng để “*khi tôi trở về, tôi sẽ nhận lại được số tiền đó cùng với tiền lãi*”.

- Tính bảo mật của tiền gửi không chỉ là nghĩa vụ đạo đức mà còn là yêu cầu pháp lí. Các quy định bảo vệ dữ liệu trên toàn thế giới yêu cầu các ngân hàng phải thực hiện các biện pháp bảo mật để bảo vệ dữ liệu khách hàng dựa trên một số nguyên tắc như: 1) nguyên tắc minh bạch: ngân hàng phải thông báo rõ ràng cho khách hàng về mục đích thu thập, sử dụng và chia sẻ thông tin; 2) nguyên tắc tự nguyện: khách hàng có quyền quyết định về việc cung cấp thông tin; 3) nguyên tắc hạn chế: ngân hàng chỉ được thu thập, sử dụng và chia sẻ thông tin trong phạm vi cần thiết để thực hiện mục đích đã được thông báo; 4) nguyên tắc bảo mật: ngân hàng phải áp dụng các biện pháp kĩ thuật và có tổ chức để bảo vệ thông tin khách hàng khỏi bị mất mát, rò rỉ hoặc sử dụng trái phép.

2.2. Khái niệm, đặc điểm và cấu trúc pháp luật về tiền gửi tại ngân hàng thương mại

Pháp luật về tiền gửi bao gồm các quy định pháp luật do nhà nước ban hành, điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh giữa các chủ thể tham gia hoạt động nhận tiền gửi (người gửi tiền, các tổ chức nhận tiền gửi và các tổ chức hỗ trợ), trên cơ sở đó phát hiện và xử lí kịp thời các vi phạm pháp luật trong hoạt động nhận tiền gửi của ngân hàng, cùng

cổ niềm tin của công chúng vào HTNH, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.

Pháp luật về tiền gửi có một số đặc điểm sau đây:

Một là, pháp luật về tiền gửi có nội dung bao gồm các quy định pháp luật điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh giữa các chủ thể tham gia hoạt động nhận tiền gửi trong đó có tổ chức tín dụng (TCTD) nhận tiền gửi, người gửi tiền, hình thức gửi tiền, quy trình thủ tục giao dịch tiền gửi, lãi suất, đồng tiền giao dịch, quyền và nghĩa vụ của các bên, cơ chế bảo hiểm tiền gửi (BHTG) và hoạt động quản lí nhà nước.

Hai là, pháp luật về tiền gửi xác định các chủ thể tham gia vào quan hệ gửi tiền trong đó người gửi tiền có quyền gửi tiền, nhận lãi suất, rút gốc; TCTD có chức năng nhận tiền gửi là bên nhận tiền gửi với nghĩa vụ bảo đảm an toàn, thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi, tuân thủ các quy định về bảo mật và tham gia BHTG; Ngân hàng Nhà nước (NHNN) là cơ quan quản lí nhà nước, ban hành quy định, cấp phép và giám sát nhằm đảm bảo an toàn hệ thống; Tổ chức BHTG là đơn vị bảo vệ người gửi tiền khi NHTM gặp rủi ro, góp phần củng cố niềm tin.

Ba là, nền tảng hợp đồng quyết định quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ giữa ngân hàng và người gửi tiền. Mối quan hệ này mặc dù tuân theo các quy định của các cơ quan quyền lực công nhưng về bản chất vẫn xuất phát từ thoả thuận giữa các bên. Hợp đồng tiền gửi có các nội dung về điều khoản rút tiền, lãi suất và nghĩa vụ trả lại tiền gửi của người gửi tiền.

Bốn là, pháp luật về tiền gửi bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi

tiền. Cơ chế bảo vệ của pháp luật về tiền gửi đối với người gửi tiền thể hiện ở hai phương diện: giảm thiểu sự bất cân xứng thông tin giữa các bên trong quan hệ gửi tiền và BHTG. Sự bất đối xứng thông tin giữa một tổ chức tài chính lớn và một người gửi tiết kiệm cá nhân dẫn đến sự chênh lệch về quyền chủ động giữa các chủ thể trong quan hệ trên, do vậy pháp luật về tiền gửi quy định nhiều biện pháp bảo vệ khác nhau đối với người gửi tiền. Nội dung các quy định pháp luật về tiền gửi thường bao gồm các yêu cầu minh bạch về các khoản phí, lãi suất, các điều khoản và điều kiện qua đó trao quyền cho người gửi tiền để đưa ra quyết định và ngăn chặn các hành vi khai thác sự bất cân xứng thông tin giữa TCTD và người gửi tiền. Các chương trình BHTG là nền tảng sự bảo vệ này: bảo đảm người gửi tiền được hoàn trả tiền của họ lên đến một giới hạn nhất định ngay cả trong trường hợp ngân hàng phá sản.

Năm là, pháp luật về tiền gửi có cân nhắc tới lợi ích công cộng. Pháp luật về tiền gửi không chỉ đơn thuần là điều chỉnh quan hệ giữa ngân hàng và người gửi tiền mà còn gắn chặt với lợi ích công cộng. Một HTNH ổn định và đáng tin cậy là nền tảng của một nền kinh tế và an sinh xã hội. Pháp luật về tiền gửi công nhận vai trò quan trọng này và tìm cách bảo đảm rằng HTNH phục vụ lợi ích công cộng rộng lớn hơn. Điều này được phản ánh trong các quy định nhằm ngăn ngừa rủi ro hệ thống, thúc đẩy hội nhập tài chính, chống tội phạm tài chính và duy trì niềm tin của công chúng vào toàn bộ hệ thống tài chính.

Cấu trúc pháp luật về tiền gửi tại NHTM gồm ba nhóm:

- Nhóm quy định về hợp đồng tiền gửi

Hợp đồng tiền gửi là văn bản pháp lý nền tảng xác lập quan hệ vay tài sản giữa NHTM và người gửi tiền. Dưới góc độ nghiên cứu, nhóm quy định này có những đặc thù pháp lý rất riêng biệt so với các hợp đồng vay tài sản thông thường.

Thứ nhất, về bản chất pháp lý và hình thức hợp đồng, pháp luật hiện hành thừa nhận hợp đồng tiền gửi là hợp đồng song vụ và có đền bù. Tuy nhiên, điểm đặc biệt nằm ở tính chất hợp đồng theo mẫu. Khách hàng khi gửi tiền thường không có cơ hội đàm phán từng điều khoản chi tiết mà sẽ chấp nhận các điều kiện giao dịch chung do ngân hàng soạn thảo và đã được đăng ký với cơ quan bảo vệ người tiêu dùng. Hình thức của hợp đồng ngày càng đa dạng, chuyển dịch từ sổ tiết kiệm vật lý truyền thống sang các chứng từ điện tử, xác thực qua chữ ký số và sinh trắc học, đòi hỏi khung pháp lý về giao dịch điện tử trong NHTM phải liên tục cập nhật để công nhận các chứng chỉ tiền gửi số này.

Thứ hai, quy định về lãi suất là yếu tố trọng yếu trong nội dung hợp đồng. Khác với tự do thỏa thuận trong dân sự, lãi suất tiền gửi chịu sự điều chỉnh của trần lãi suất do NHNN quy định trong từng thời kỳ. Đây là công cụ chính sách tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô⁷. Pháp luật quy định rõ ràng về phương pháp tính lãi, thời điểm trả lãi và đặc biệt là quy định về rút vốn trước hạn.

Thứ ba, về năng lực chủ thể giao kết. Pháp luật ngân hàng quy định rất chặt chẽ về

⁷ Mehran, H., & Laurens, B. (1997), "Interest rates: An approach to liberalization", *Finance & Development*, 34(2), tr. 34.

quy trình nhận biết khách hàng - KYC và gần đây là e-KYC⁸. Hợp đồng tiền gửi chỉ có hiệu lực khi NHTM hoàn tất việc xác minh danh tính chủ sở hữu thực hưởng, nhằm ngăn chặn các hành vi rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố núp bóng dưới hình thức gửi tiền tiết kiệm.

- Nhóm quy định về bảo đảm và bảo vệ quyền lợi người gửi tiền

Đây là nhóm quy định mang tính ổn định cho hệ thống tài chính, nhằm duy trì niềm tin của công chúng vào HTNH. Trụ cột quan trọng nhất trong nhóm này là quy định về BHTG⁹. Theo Luật BHTG, các NHTM bắt buộc phải tham gia BHTG. Khi một NHTM mất khả năng chi trả hoặc phá sản, tổ chức BHTG sẽ thay mặt chi trả cho người gửi tiền trong hạn mức quy định. Dưới góc độ nghiên cứu, hạn mức này tuy có vai trò ngăn chặn rút tiền hàng loạt nhưng vẫn đang là chủ đề tranh luận về việc liệu có đủ sức bao phủ rủi ro trong bối cảnh giá trị tiền tệ biến động hay không. Cơ chế này tách bạch rủi ro của NHTM khỏi rủi ro của người dân ở mức độ cơ bản.

Bên cạnh BHTG, pháp luật còn thiết lập cơ chế bảo vệ gián tiếp thông qua các quy định về an toàn hoạt động. Luật Các TCTD yêu cầu NHTM phải duy trì tỉ lệ dự trữ bắt buộc và các tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu. Điều này có nghĩa là NHTM không được phép mang

toàn bộ số tiền huy động đi cho vay hoặc đầu tư mạo hiểm mà phải giữ lại một phần để bảo đảm khả năng thanh khoản, sẵn sàng chi trả khi người dân đến rút tiền như Thông tư số 14/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 của NHNN quy định tỉ lệ an toàn vốn đối với NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đây là lớp bảo vệ từ xa, ngăn chặn nguy cơ mất vốn ngay từ trong hoạt động quản trị của NHTM.

Ngoài ra, quy định về bảo mật thông tin và công khai minh bạch cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. NHTM có nghĩa vụ giữ bí mật tuyệt đối thông tin tiền gửi của khách hàng trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Đồng thời, NHTM phải công khai minh bạch về lãi suất, phí dịch vụ. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng được áp dụng chéo sang lĩnh vực này, yêu cầu các hợp đồng mẫu không được chứa đựng các điều khoản miễn trừ trách nhiệm vô lí của NHTM khi xảy ra rủi ro hệ thống kĩ thuật.

- Nhóm quy định về xử lí vi phạm và giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tiền gửi

Về cơ chế xử lí vi phạm, pháp luật hành chính và hình sự đóng vai trò răn đe mạnh mẽ. Đối với NHTM, các hành vi như huy động vốn vượt trần lãi suất, không niêm yết công khai lãi suất hoặc vi phạm quy định về an toàn kho quỹ đều bị xử phạt hành chính, thậm chí bị kiểm soát đặc biệt. Đối với cá nhân nhân viên NHTM, các hành vi lợi dụng chức vụ để chiếm đoạt tiền gửi của khách hàng như giả mạo chữ kí, tắt toán khống sổ tiết kiệm bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tham ô tài sản hoặc lừa đảo chiếm đoạt tài sản tùy thuộc vào chức vụ, phạm vi trách

⁸ B. Jaber, D. Kriwiesh, M. A. AlRagheb (2024), *A Blockchain Framework in the Banking Sector Based in e-KYC System Conceptual Framework*, 2024 2nd International Conference on Cyber Resilience (ICCR), Dubai, United Arab Emirates, tr. 1, DOI: 10.1109/ICCR61006.2024.10532852

⁹ Basel Committee on Banking Supervision (2008), *Principles for sound liquidity risk management and supervision, Bank for International Settlements*, <https://www.bis.org/publ/bcbs151.pdf>, truy cập 15/12/2025.

nhiệm quản lý tài sản, cơ chế chuyển dịch tài sản và thủ đoạn chiếm đoạt trong từng vụ việc cụ thể, cách tiếp cận này có điểm tương đồng với chế định fraud by abuse of position của pháp luật Anh, theo đó người giữ vị trí có trách nhiệm bảo vệ lợi ích tài chính của người khác có thể chịu trách nhiệm hình sự nếu không trung thực lạm dụng vị trí đó nhằm thu lợi hoặc gây thiệt hại¹⁰. Đối với xác định trách nhiệm pháp nhân của NHTM khi nhân viên vi phạm, bản án hình sự phúc thẩm số 743/2017/HS-PT ngày 25/10/2017 của TAND cấp cao tại Hà Nội đã củng cố quan điểm rằng nếu nhân viên NHTM thực hiện hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, NHTM phải chịu trách nhiệm dân sự hoàn trả tiền cho khách hàng trước, sau đó mới yêu cầu nhân viên bồi hoàn.

Về giải quyết tranh chấp, pháp luật khuyến khích cơ chế thương lượng và hòa giải. Tuy nhiên, khi đưa ra tòa án hoặc trọng tài thương mại, vấn đề pháp lý nổi cộm là trách nhiệm chứng minh. Trong các tranh chấp mất tiền trong tài khoản đặc biệt là qua E-banking, xu hướng pháp luật bảo vệ người tiêu dùng đang yêu cầu NHTM phải có trách nhiệm chứng minh hệ thống của mình an toàn và trong trường hợp khách hàng có lỗi như để lộ mật khẩu/OTP thì mới được miễn trách nhiệm¹¹. Điều này đặt ra áp lực buộc

các NHTM phải liên tục nâng cấp hạ tầng bảo mật theo tiêu chuẩn quốc tế.

3. Thực trạng và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về tiền gửi tại ngân hàng thương mại ở Việt Nam

3.1. Đánh giá thực trạng pháp luật về tiền gửi tại ngân hàng thương mại

Nhìn chung, văn bản pháp luật về tiền gửi ở Việt Nam hiện nay đã được ban hành và quy định khá cụ thể về các khía cạnh của hoạt động huy động và bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Đặc biệt, Luật Các TCTD năm 2024, Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của NHNN quy định về tiền gửi tiết kiệm, Thông tư số 49/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của NHNN quy định về tiền gửi có kỳ hạn, Luật BHTG và Nghị định số 68/2013/NĐ-CP ngày 28/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật BHTG là các văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp về hoạt động tiền gửi.

Như vậy, kể từ thời điểm có hiệu lực của các văn bản hướng dẫn chuyên ngành và Luật Các TCTD năm 2024, pháp luật về tiền gửi tiếp tục được hoàn thiện. Cụ thể, pháp luật về tiền gửi và bảo vệ quyền lợi người gửi tiền có những thay đổi đáng kể, đó là quy định về vai trò, trách nhiệm bảo đảm quyền lợi người gửi tiền của cơ quan quản lý - NHNN, BHTG Việt Nam (DIV), các NHTM, quỹ tín dụng nhân dân; các quy định bảo đảm cho người gửi tiền được tiếp cận

hàng. Trường hợp khách hàng thông báo trong vòng hai ngày làm việc kể từ khi biết thiết bị truy cập bị mất hoặc bị lấy cắp, trách nhiệm của khách hàng không vượt quá mức thấp hơn giữa 50 USD và giá trị giao dịch trái phép phát sinh trước khi thông báo. Xem thêm: CFPB, Official Interpretation of Regulation E, Comment 1005.6(b)-2.

¹⁰ Án lệ R v Valujevs and Mezals [2014] EWCA Crim 2888, [2015] 3 WLR 109, đoạn 38, 40, 41.

¹¹ Electronic Fund Transfer Act, 15 U.S.C. § 1693g(a)-(b); Regulation E, 12 C.F.R. § 1005.6(a)-(b). Theo các quy định này, trong tranh chấp liên quan đến giao dịch chuyển tiền điện tử không được phép, tổ chức tài chính có nghĩa vụ chứng minh giao dịch đã được khách hàng cho phép hoặc chứng minh các điều kiện làm phát sinh trách nhiệm của khách

đầy đủ thông tin về lãi suất, phí dịch vụ; quy định các cơ chế kiểm soát rủi ro, xác minh danh tính khách hàng trong giao dịch tiền gửi; quy định về phòng chống rửa tiền đối với các khoản tiền gửi có giá trị lớn.

Xét về tổng thể, pháp luật về tiền gửi ở Việt Nam đã được định hình rõ nét, vì vậy, quyền lợi của người gửi tiền ngày càng được bảo đảm và niềm tin vào HTNH được duy trì. NHNN đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an và các cơ quan chức năng trong hoạt động thanh tra, giám sát, nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi gian lận, lừa đảo chiếm đoạt tài sản liên quan đến hoạt động nhận tiền gửi.

Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý hiện hành về tiền gửi tại Việt Nam không phải là không có hạn chế, đặc biệt trong giai đoạn hội nhập quốc tế, thể hiện qua một số khía cạnh như sau:

Thứ nhất, mặc dù đã có hành lang pháp lý điều chỉnh quan hệ giữa NHTM và người gửi tiền, thực tiễn thi hành vẫn tồn tại nhiều bất cập. Điển hình là vụ án H.T.H.N tại ngân hàng V., nơi nảy sinh tranh cãi gay gắt về bản chất pháp lý của tiền gửi: Đây là hợp đồng cho vay, ngân hàng là chủ sở hữu vốn hay hợp đồng gửi giữ, ngân hàng chỉ giữ hộ? Việc xác định bản chất này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm hoàn trả của các bên¹². Cũng có quan điểm cho rằng, khách hàng gửi tiền vào ngân hàng thì đó là một dạng hợp đồng gửi, giữ tài sản theo quy định của pháp luật dân sự¹³. Việc xác định

bản chất hợp đồng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ hoàn trả của các bên trong quan hệ tiền gửi.

Cách tiếp cận về HTNH hiện đại về mối quan hệ giữa người gửi tiền và NHTM dựa trên một nguyên tắc cơ bản được đưa ra trong Thông tư số 48/2018/TT-NHNN và Thông tư số 49/2018/TT-NHNN: hoàn trả đầy đủ tiền gốc và lãi theo thoả thuận với TCTD. Nghĩa vụ của NHTM là trả lại tiền gốc cùng với lãi suất đã được thoả thuận khi có yêu cầu. Tuy nhiên, vấn đề lãi suất đóng vai trò chủ chốt khi xác định bản chất của hợp đồng tiền gửi bởi lãi suất đóng vai trò làm tác nhân thay đổi cán cân lợi ích giữa người gửi tiền và NHTM như trong trường hợp lãi suất hạ xuống dưới 0%. Việc cơ quan chủ quản ngành ngân hàng, tức NHNN ở Việt Nam hay là các ngân hàng trung ương (NHTW) ở các quốc gia khác trên thế giới có khả năng điều chỉnh lãi suất và làm cho lãi suất giữa người gửi tiền và ngân hàng thay đổi đã tạo ra khả năng thay đổi về bản chất của của mối quan hệ giữa người gửi tiền và NHTM.

Việc điều hành lãi suất của NHNN không có giới hạn ở mức điều chỉnh. NHNN có thể tiến hành điều chỉnh mức lãi suất phù hợp trong đó mức lãi suất có thể dương, có thể là 0% hoặc thậm chí có thể xuống dưới 0%. Hậu quả pháp lý cho việc lãi suất được điều chỉnh ở mức dưới 0%¹⁴ sẽ dẫn đến việc

hàng và người gửi tiền, <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/quy-dinh-ve-trach-nhiem-cua-ngan-hang-va-nguoi-gui-tien-148811-148811.html>, truy cập 27/4/2025.

¹² Hoàng Điệp (2014), *Tiền khách hàng gửi có phải là tài sản ngân hàng?*, <https://tuoitre.vn/tien-khach-hang-gui-co-phai-la-tai-san-cua-ngan-hang-685845.htm>, truy cập 11/3/2025.

¹³ Chí Tín (2024), *Quy định về trách nhiệm của ngân*

¹⁴ Một số người quan ngại việc lãi suất dưới 0% có thể khiến người gửi tiền rút tiền hàng loạt nhưng điều này đã không xảy ra. Các nước như Thụy Sĩ còn duy trì mức -0.75% vào năm 2019 với những khách hàng

đảo ngược lợi ích kinh tế giữa các bên trong quan hệ gửi tiền, vốn có bản chất là quan hệ cho vay: người gửi tiền vốn là chủ nợ, lại phải trả tiền cho ngân hàng vốn là con nợ. Điều này dẫn đến sự xung đột với định nghĩa của Bộ luật Dân sự năm 2015 về quan hệ cho vay trong hợp đồng vay tài sản: “... bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, ... và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định” (Điều 463) hay ngược lại với nguyên tắc hoàn trả đầy đủ tiền gốc và lãi theo thỏa thuận với TCTD được ghi nhận trong Thông tư số 48/2018/TT-NHNN và Thông tư số 49/2018/TT-NHNN.

Có thể thấy, bản chất của hợp đồng tiền gửi không đơn thuần là mối quan hệ giữa chủ nợ-người gửi tiền và con nợ-ngân hàng mà còn phụ thuộc vào sự điều chỉnh lãi suất của NHNN. Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam chưa lường trước việc lãi suất có thể bị điều chỉnh ở mức dưới 0% và quan hệ giữa người gửi tiền và ngân hàng khi mức lãi suất được điều chỉnh ở mức dưới 0% có còn là quan hệ cho vay trong pháp luật Việt Nam nữa không vẫn là câu hỏi cần được tiếp tục nghiên cứu.

Thứ hai, việc kí kết các hiệp định quốc tế, đặc biệt là các FTA thế hệ mới như CPTPP hay EVFTA, đòi hỏi Việt Nam phải mở cửa mạnh mẽ hơn trong nhiều lĩnh vực, bao gồm cả tài chính-ngân hàng. Các cam

kết này khuyến khích dòng vốn và lao động nước ngoài vào Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho các chuyên gia, nhà đầu tư, sinh viên quốc tế đến làm việc và sinh sống. Người nước ngoài định cư tại Việt Nam có nhu cầu gửi tiền vì các nhu cầu cá nhân của bản thân có thể có hai lựa chọn: 1) gửi bằng đồng ngoại tệ thông dụng và thân thuộc với bản thân họ hoặc 2) gửi bằng đồng Việt Nam. Tuy nhiên, nếu gửi bằng đồng ngoại tệ, thì họ không được bảo vệ bởi DIV theo pháp luật về BHTG. Theo Luật BHTG năm 2012 cũng như Luật BHTG năm 2025, đối tượng được BHTG là tiền đồng Việt Nam. Điều này có nghĩa là trong trường hợp một TCTD gặp rủi ro phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, số tiền gửi bằng ngoại tệ của người nước ngoài sẽ không nằm trong phạm vi được bảo hiểm bởi DIV.

Việc loại trừ tiền gửi ngoại tệ khỏi phạm vi BHTG trong bối cảnh hội nhập tạo ra sự thiếu bình đẳng trong chính sách bảo vệ người gửi tiền¹⁵. Trong khi người gửi bằng VND được bảo vệ một phần số tiền gửi, thì người gửi tiền ngoại tệ lại không nhận được sự bảo vệ tương tự đối với tiền gửi ngoại tệ của họ dù nguy cơ mất khả năng thanh toán của TCTD là như nhau giữa hai loại tiền gửi. Điều này có thể ảnh hưởng đến niềm tin của nhà đầu tư và người lao động nước ngoài vào HTNH Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu có nhiều biến động. Nếu một NHTM gặp sự cố, rủi ro mất mát đối với tiền gửi ngoại tệ có thể khiến họ

gửi tiền trên 2 triệu CHF, https://www.swissinfo.ch/eng/business/wealth-tax_ubs-plans-negative-interest-rate-for-rich-clients/45133506; hay Đan Mạch ở mức -0.6% đối với tiền gửi tiết kiệm của khách hàng trên 1.1 triệu DKK, <https://www.businessinsider.com/jyske-bank-denmark-negative-interest-savings-over-million-2019-8>, truy cập 27/4/2025.

¹⁵ Lê Thị Thu Thủy, Lưu Tùng Lâm (2022), “Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 4(361), tháng 4, tr. 46.

rút vốn hoặc e ngại hơn khi đưa tiền vào Việt Nam. Mặt khác, việc không BHTG ngoại tệ đi ngược lại xu hướng quốc tế. Nhiều quốc gia có hệ thống BHTG tiên tiến thường bảo hiểm cả tiền gửi ngoại tệ hoặc có cơ chế linh hoạt để chuyển đổi và bảo hiểm¹⁶.

Thứ ba, cơ chế xác định phí BHTG hiện nay đang tồn tại những bất cập đáng kể giữa quy định pháp lý và thực tiễn áp dụng. Mặc dù Luật BHTG (năm 2012 và năm 2025) đều cho phép áp dụng mức phí phân biệt dựa trên mức độ rủi ro của TCTD nhưng trên thực tế Việt Nam vẫn duy trì cơ chế phí đồng hạng 0,15%/năm, áp dụng theo Nghị định số 89/1990/NĐ-CP về BHTG và tiếp nối hiệu lực theo Nghị định số 68/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật BHTG. Mức phí này được áp dụng từ khi thành lập DIV cho đến nay và cũng đã đạt được những thành quả¹⁷. Tuy nhiên, nhìn vào thực tế xảy ra tại Ngân hàng SCB năm 2022, thật khó để khẳng định sự thu phí đồng hạng này là hợp lý trong thời điểm hiện nay, việc áp dụng phí đồng hạng tạo ra sự thiếu công bằng và có thể làm méo mó cạnh

tranh. Những NHTM hoạt động thận trọng, có quản trị rủi ro tốt và tỉ lệ nợ xấu thấp lại bị “đánh đồng” chi phí với những NHTM có rủi ro cao hơn, do quản lý yếu kém hoặc kinh doanh mạo hiểm. Điều này vô hình trung làm giảm động lực để các NHTM cải thiện chất lượng tài sản và quản lý rủi ro. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nơi các ngân hàng nước ngoài với hệ thống quản trị rủi ro tiên tiến và yêu cầu tuân thủ quốc tế ngày càng cao gia nhập thị trường, sự thiếu công bằng này càng trở nên rõ rệt. Các NHTM Việt Nam vốn đang nỗ lực nâng cao năng lực cạnh tranh, lại phải chịu một gánh nặng chi phí không tương xứng với mức độ rủi ro thực tế của mình.

Mặt khác, mô hình phí đồng hạng không khuyến khích việc áp dụng các chuẩn mực quản trị rủi ro quốc tế tiên tiến. Các chuẩn mực như Basel II hay Basel III đòi hỏi các NHTM phải đánh giá và quản lý rủi ro một cách chặt chẽ, dựa trên các mô hình phức tạp. Nếu phí BHTG không phản ánh mức độ rủi ro được quản lý tốt, các NHTM sẽ ít động lực hơn để đầu tư vào các hệ thống quản trị rủi ro tồn kém này. Điều này đi ngược lại xu hướng hội nhập, khi Việt Nam đang nỗ lực áp dụng các chuẩn mực quốc tế nhằm tăng cường an toàn và ổn định cho hệ thống tài chính. Thiếu một cơ chế phí dựa trên rủi ro, sự khác biệt trong năng lực quản trị rủi ro giữa các NHTM có thể không được nhìn nhận và đánh giá đúng mức, gây khó khăn cho việc quản lý và điều hành nền kinh tế.

Thứ tư, tại Việt Nam, mối quan hệ giữa khách hàng và ngân hàng chủ yếu dựa trên hợp đồng dân sự, với nguyên tắc thiện chí và trung thực đóng vai trò then chốt, đặc biệt

¹⁶ Các quốc gia có thể kể đến như Indonesia (khoản 3 Điều 17 Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2004), Malaysia (khoản 1 Điều 41 Luật Công ti bảo hiểm tiền gửi năm 2011), Philippines (Điều 9, số 6426 về hệ thống tiền gửi ngoại tệ của Philippines), Trung Quốc (Điều 4 Quy định về bảo hiểm tiền gửi, Lệnh Quốc vụ viện số 660), Hoa Kỳ (12 C.F.R. § 330.3(c)), hay EU (Điều 6 Chỉ thị 2014/49/EU ngày 16/4/2014 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng về các hệ thống bảo đảm tiền gửi).

¹⁷ Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (2022), *Phí bảo hiểm tiền gửi phân biệt và những vấn đề cần được quan tâm*, <https://div.gov.vn/phi-bao-hiem-tien-gui-phan-biet-va-nhung-van-de-can-duoc-quan-tam>, truy cập 14/4/2025.

trong bối cảnh tồn tại sự bất cân xứng về thông tin giữa người gửi tiền và ngân hàng¹⁸. Sự bất cân xứng này có thể trở nên rõ rệt hơn trong môi trường số, bởi các dữ liệu kỹ thuật cần thiết để xác minh quá trình thực hiện giao dịch như nhật ký đăng nhập, thông tin thiết bị, lịch sử xác thực và dữ liệu xử lý giao dịch chủ yếu do ngân hàng hoặc nhà cung cấp dịch vụ liên quan quản lý; trong khi khách hàng thường chỉ tiếp cận được những thông tin được hiển thị trên ứng dụng, sao kê hoặc tài liệu do ngân hàng cung cấp¹⁹. Ngay cả tại các thị trường phát triển như Úc trong vụ bê bối tài chính liên quan đến Commonwealth Bank²⁰ hay Anh với vụ việc của TSB²¹, các NHTM cũng bị chỉ trích vì không đảm bảo tính minh bạch khi triển khai các dịch vụ kỹ thuật số, gây ra thiệt hại và mất lòng tin từ phía người tiêu dùng. Thực tiễn tại Việt Nam cũng đã ghi nhận nhiều trường hợp khách hàng chịu thiệt hại khi tiền gửi dự định gửi tiết kiệm bị chuyển đổi thành các sản phẩm tài chính khác, do việc tư vấn, bán hàng thiếu rõ ràng, minh bạch và sự chưa tuân thủ

ng nghiêm túc các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp từ phía nhân viên ngân hàng²².

Trong hội nhập quốc tế, sự xuất hiện ngày càng phổ biến các ngân hàng nước ngoài như chi nhánh ngân hàng nước ngoài hay ngân hàng 100% vốn nước ngoài có thể gây ra khó khăn đối với các cơ quan quản lý, giám sát và người gửi tiền trong việc nắm bắt thông tin về tình trạng của ngân hàng mẹ, gia tăng tình trạng bất cân xứng thông tin. Trong khi ngân hàng con là một pháp nhân độc lập, được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam, có giấy phép riêng do NHNN Việt Nam cấp, về nguyên tắc, ngân hàng con chịu trách nhiệm độc lập về tài chính, hoạt động và nghĩa vụ pháp lý. Tuy nhiên, ngân hàng mẹ thường là cổ đông lớn hoặc thậm chí là chủ sở hữu duy nhất của ngân hàng con và do vậy, ngân hàng con vẫn chịu ảnh hưởng tiềm ẩn từ phía ngân hàng mẹ. Ngân hàng con dù là pháp nhân độc lập vẫn phụ thuộc vào hình ảnh và nguồn lực từ ngân hàng mẹ. Khi ngân hàng mẹ gặp khủng hoảng, các phản hồi tới ngân hàng con có thể bao gồm: 1) tâm lý: người gửi tiền có thể rút tiền hàng loạt do tâm lý lo ngại²³; 2) vốn: ngân hàng mẹ có thể ngừng cấp vốn nội bộ

¹⁸ Joseph Stiglitz, Andrew Weiss (1981), "Credit Rationing in Markets with Imperfect Information", *The American Economic Review*, Vol. 71, No. 3 (1981), tr. 393 - 394.

¹⁹ Hamid Ghanbari (2012), "Reversing the Burden of Proof in Electronic Banking", *Journal of Monetary & Banking Research*, Vol. 4, No. 12, tr. 127.

²⁰ Yaxley, Louise (2018), *Commonwealth Bank charged fees to dead clients, royal commission hears*, <https://www.theguardian.com/australia-news/2018/apr/19/commonwealth-bank-charged-fees-to-dead-clients-royal-commission-hears>, truy cập 13/7/2025.

²¹ UK Parliament (2019), *Economic Crime: Consumer view: Fifth report of Session 2019–20 (HC 224)*, House of Commons Treasury Committee, <https://publications.parliament.uk/pa/cm201919/cmselect/cmtreasy/224/224.pdf>, truy cập 13/7/2025.

²² Thùy Dương, Tùng Giang (2023), *Gửi tiền SCB: Người về hưu bị khai thu nhập 50 triệu đồng/tháng để mua Bảo hiểm Manulife*, <https://laodong.vn/xa-hoi/gui-tien-scb-nguoi-ve-huu-bi-khai-thu-nhap-50-trieu-dongthang-de-mua-bao-hiem-manulife-1185681.ldo>, truy cập 14/4/2025.

²³ Ví dụ tại Ngân hàng Fortis tại Bỉ vào năm 2008, ảnh hưởng từ trụ sở tại Bỉ đã kích hoạt phản ứng tại ngân hàng con ở Hà Lan và dẫn đến rút tiền hàng loạt. Xem thêm: Basel Committee (2010), *Report and Recommendations of the Cross-border Bank Resolution Group*, <https://www.bis.org/publ/bcbs169.pdf>, truy cập 27/4/2025.

cho ngân hàng con; 3) hiện diện: do thiếu vốn, ngân hàng mẹ có thể cắt giảm nhân sự, đóng chi nhánh; 4) thay đổi quyền sở hữu: quyền sở hữu tại ngân hàng con là một phần tài sản của ngân hàng mẹ và có thể bị xử lý theo pháp luật quốc gia sở tại để giải quyết khủng hoảng ngân hàng. Các yếu tố trên đều có thể gây ra tác động xấu, ảnh hưởng tiêu cực tới người gửi tiền.

Hiện nay, dù trong quá trình hội nhập quốc tế, chính sách và pháp luật Việt Nam vẫn tập trung vào việc quản lý hoạt động ngân hàng trong lãnh thổ Việt Nam mà chưa lường trước sự phức tạp trong hoạt động ngân hàng của các ngân hàng đa quốc gia. Các hiệp ước Việt Nam tham gia như WTO, CPTPP, EVFTA, RCEP đều cam kết mở cửa thị trường ngân hàng, tạo điều kiện cho các ngân hàng đa quốc gia hoạt động tại Việt Nam nhưng Việt Nam chưa có sự chuẩn bị cũng như hợp tác giải quyết cho các vấn đề mang tính chất xuyên biên giới trong lĩnh vực ngân hàng.

Thứ năm, công tác giám sát hoạt động ngân hàng tại Việt Nam hiện đang bộc lộ nhiều hạn chế, đặc biệt là trong việc kiểm soát các hành vi tư vấn sai lệch hoặc bán chéo sản phẩm không phù hợp từ phía nhân viên ngân hàng²⁴. Tư vấn trong hoạt động ngân hàng là hoạt động cung cấp thông tin, phân tích sản phẩm tài chính, hướng dẫn lựa chọn phù hợp với nhu cầu và khả năng của người gửi tiền. Nghĩa vụ tư vấn là một dạng

nghĩa vụ phát sinh từ nghĩa vụ trung thực và thiện chí trong quan hệ hợp đồng giữa ngân hàng và khách hàng. Hiện nay, ở Việt Nam, quyền được cung cấp thông tin của người gửi tiền mới chỉ dừng ở việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin từ NHTM trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nghĩa vụ công bố là yêu cầu mang tính bắt buộc, yêu cầu NHTM phải công khai, minh bạch các thông tin liên quan đến sản phẩm dịch vụ của mình. Theo Thông tư số 48/2018/TT-NHNN, ngân hàng phải niêm yết công khai tại quầy giao dịch về lãi suất, biểu phí và các điều khoản liên quan. Điều này tạo ra một nền tảng thông tin cơ bản nhưng có giới hạn, đặc biệt là khi khách hàng không có đủ kiến thức chuyên môn để hiểu rõ và so sánh giữa các sản phẩm tài chính khác nhau. Khác với nghĩa vụ công bố mang tính thụ động và đơn phương, nghĩa vụ tư vấn là hành vi chủ động từ phía ngân hàng trong việc giúp khách hàng hiểu và lựa chọn đúng sản phẩm phù hợp. Nghĩa vụ này bao gồm việc giải thích rõ các thuật ngữ tài chính, cảnh báo rủi ro nếu có, gợi ý sản phẩm dựa trên hồ sơ tài chính cá nhân của khách hàng và bảo đảm rằng khách hàng đưa ra quyết định trên cơ sở hiểu biết đầy đủ.

Pháp luật Việt Nam không có quy định rõ ràng về nội dung, phạm vi và giới hạn của nghĩa vụ tư vấn trong hoạt động tiền gửi. Luật Các TCTD và các văn bản hướng dẫn thi hành chỉ quy định chung về việc cung cấp thông tin mà không phân biệt giữa nghĩa vụ công bố và nghĩa vụ tư vấn. Đặc biệt, quá trình hội nhập quốc tế kéo theo sự hiện diện ngày càng phổ biến của các ngân hàng nước ngoài, nếu không có sự hiện diện của các quy định về nghĩa vụ tư vấn trong pháp luật

²⁴ Phương Thủy (2023), *Kiến nghị xử lý nhân viên ngân hàng tư vấn sai khiến người dân chuyển tiền tiết kiệm sang mua bảo hiểm*, <https://cand.com.vn/su-kien-binh-luan-thoi-su/kien-nghi-xu-ly-nhan-vien-ngan-hang-tu-van-sai-khien-nguoi-dan-chuyen-tien-tiet-kiem-sang-mua-bao-hiem-i714514/>, truy cập 27/4/2025.

về tiền gửi, một số tổ chức có thể lợi dụng kẽ hở pháp lý để cung cấp các sản phẩm không phù hợp, gây ra những tổn thất cho người gửi tiền. Chuỗi các vụ việc tranh chấp phát sinh từ việc thiếu tư vấn có thể làm suy yếu niềm tin của công chúng vào toàn bộ hệ thống tài chính, đe dọa sự ổn định và phát triển bền vững của HTNH.

3.2. Đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tiền gửi tại ngân hàng thương mại

Thứ nhất, cần bổ sung định nghĩa và làm rõ bản chất pháp lý của hợp đồng gửi tiền trong kịch bản lãi suất xuống dưới mức 0%. Bộ luật Dân sự và Luật Các TCTD cần quy định và định nghĩa rõ ràng hơn về lãi suất tiền gửi, bao gồm khả năng lãi suất có thể là số âm. Pháp luật cần làm rõ bản chất của giao dịch khi áp dụng lãi suất âm – liệu nó vẫn được coi là hợp đồng tiền gửi với cơ chế tính lãi đặc biệt hay trở thành một dạng hợp đồng gửi giữ tài sản có tính phí. Việc làm rõ bản chất này sẽ là nền tảng cho các quy định liên quan khác, góp phần hoàn thiện pháp luật về tiền gửi, hạn chế các bất cập, giảm thiểu rủi ro đối với khách hàng và đối với HTNH trong thời kì hội nhập quốc tế.

Thứ hai, xây dựng và công bố báo cáo ổn định tài chính (financial stability report) công khai, minh bạch. Trong bối cảnh người gửi tiền vẫn phải chịu “phơi nhiễm” trước các thông tin không chính thống, thiếu kiểm chứng thì HTNH, dù lành mạnh, vẫn đứng trước nguy cơ bị đổ vỡ do thiếu tín nhiệm từ người gửi tiền²⁵. Do vậy, một báo cáo ổn

định tài chính được công bố ra công chúng là rất cần thiết cho người gửi tiền bởi nó đem lại nhiều lợi ích như sau: *Một là*, báo cáo này cung cấp thông tin chính thống, hữu ích, có thể tham khảo đến người gửi tiền và giúp họ đưa ra các quyết định tài chính chuẩn xác. *Hai là*, báo cáo này có thể hạn chế được tác động xấu của các thông tin sai lệch đối với HTNH, qua đó giảm thiểu các chấn động có thể ngăn chặn đối với nền kinh tế. *Ba là*, sự minh bạch của HTNH sẽ được cải thiện với sự xuất hiện của báo cáo ổn định tài chính bởi nó cung cấp một góc nhìn khác cho các chủ thể cần đến nó và thúc đẩy kỉ luật thị trường, hạn chế các hành vi lợi dụng quy định lỏng lẻo của các ngân hàng đa quốc gia. Nhiều NHTW và cơ quan giám sát tài chính đều xây dựng và công bố báo cáo ổn định tài chính định kì. Việc công bố báo cáo ổn định tài chính định kì đã trở thành thông lệ phổ biến của các NHTW; các báo cáo này thường được phát hành hằng năm hoặc nửa năm một lần²⁶.

Thứ ba, vị thế của DIV phải độc lập với NHNN để có thể tập trung vào chức năng chủ yếu là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền. Khi xem xét đến BHTG, tính độc lập của tổ chức BHTG phải được nhìn nhận từ hai yếu tố là tài chính và pháp lý. Dù DIV đã đạt được thành tựu trong việc đảm bảo sự tự chủ về mặt tài chính nhưng sự độc lập về mặt pháp lý vẫn chưa được thiết lập đầy đủ khi vẫn phụ thuộc vào sự quản lí của NHNN. Sự độc lập về mặt pháp lý của DIV sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho tổ chức này

²⁵ Douglas W. Diamond, Philip H. Dybvig (1983), “Bank Runs, Deposit Insurance, and Liquidity”, *Journal of Political Economy*, Vol. 91, No. 3, tr. 403, 410.

²⁶ Martin Čihák, Sònia Muñoz, Shakira Teh Sharifuddin và Kalin Tintchev (2012), “Financial Stability Reports: What Are They Good For?”, *IMF Working Paper*, No. WP/12/1, tr. 23, DOI: 10.5089/9781463929923.001

khi thực hiện các nghiệp vụ giám sát, bảo đảm an toàn hệ thống tài chính-ngân hàng bên cạnh các cơ quan, tổ chức khác có cùng chức năng tương tự như NHNN và Bộ Tài chính. Đồng thời, sự độc lập này cũng giúp DIV có góc nhìn mới về hoạt động ngân hàng của các tổ chức tham gia BHTG, gia tăng hiệu quả trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của người gửi tiền, chủ động trong việc thiết lập các quy định về phạm vi (tiền gửi nội tệ, ngoại tệ) cũng như mức độ, hạn mức bảo hiểm thích hợp trong thời kì hội nhập quốc tế.

Thứ tư, thiết lập hành lang pháp lý cho việc thông tin tình trạng tiền gửi đến khách hàng nhưng song song với đó, cũng đảm bảo quyền bảo mật của khách hàng. Nhu cầu về một khuôn khổ pháp lý trong việc thông tin tình trạng tiền gửi của khách hàng và đảm bảo tính bảo mật của chúng là điều bắt buộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế và số hoá hiện nay. Việc thiết lập khuôn khổ pháp lý này, một mặt tạo cơ sở cho quyền tiếp cận tiền gửi của khách hàng, mặt khác cũng bảo vệ lợi ích của cả người gửi tiền lẫn các NHTM, thúc đẩy môi trường tin tưởng tích cực và an toàn trong HTNH, giảm thiểu sự bất cân xứng thông tin giữa các bên. Một khuôn khổ pháp lý rõ ràng không chỉ cung cấp một cách tiếp cận chuẩn hoá để xử lý thông tin về tiền gửi của khách hàng mà còn phân định trách nhiệm và nghĩa vụ của NHTM trong việc bảo vệ thông tin nhạy cảm. Hơn nữa, khuôn khổ pháp lý này có thể giúp giảm thiểu rủi ro liên quan đến gian lận và truy cập trái phép, đặc biệt từ các hành vi vi phạm mang tính chất đa quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Ngoài ra, việc đảm bảo tính bảo mật thông qua các biện pháp pháp lý hỗ trợ tuân

thủ các quy định bảo vệ dữ liệu rộng hơn và củng cố các nghĩa vụ đạo đức của các tổ chức tài chính trong việc tôn trọng quyền riêng tư của khách hàng.

Thứ năm, cần tập trung tập huấn, đào tạo nhân viên ngân hàng về đạo đức nghề nghiệp, Hiệp hội ngân hàng tiếp tục xây dựng cụ thể và chi tiết bộ tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp ngân hàng. Sự nhấn mạnh vào đào tạo khía cạnh đạo đức không chỉ nâng cao khả năng ra quyết định của nhân viên mà còn thúc đẩy văn hoá trách nhiệm và minh bạch trong NHTM. Khi nhân viên ngân hàng được tập huấn về thực hành các nguyên tắc đạo đức, họ sẽ được trang bị tốt hơn để xử lý các tình huống phức tạp và đưa ra những quyết định phù hợp với các tiêu chuẩn quản lý của ngành ngân hàng và các giá trị cốt lõi của NHTM. Ngoài ra, nền tảng vững chắc về đạo đức ngân hàng có thể giúp ngăn ngừa các hoạt động gian lận và hành vi sai trái, giúp bảo vệ khách hàng và các bên có liên quan²⁷. Trong lĩnh vực mà tầm quan trọng của lòng tin được đặt lên hàng đầu, việc tập huấn khía cạnh đạo đức có thể tạo mối quan hệ bền vững hơn giữa ngân hàng và người gửi tiền và qua đó củng cố sự ổn định của HTNH./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. B. Jaber, D. Kriwiesh and M. A. AlRagheb (2024), *A Blockchain Framework in the Banking Sector Based in e-KYC System Conceptual Framework*, 2024 2nd International Conference on Cyber Resilience

²⁷ Ionaşcu A., Barbu C.A. & Popa A. (2023), "Ethics in the Banking Sector", *Global Ethics - Key of Sustainability (GEKOS 2022)*, Vol. 19, A. Grigorescu & V. Radu (vol. ed.), Lumen Proceedings, tr. 138 - 139.

- (ICCR), Dubai, United Arab Emirates, doi: 10.1109/ICCR61006.2024.10532852
2. Crow, D., Morris, S., & Ross, A. (2019, July 31). UBS plans negative interest rate for rich clients, *SWI swissinfo.ch*, https://www.swissinfo.ch/eng/business/wealth-tax_ubs-plans-negative-interest-rate-for-rich-clients/45133506
 3. Douglas W. Diamond, Philip H. Dybvig (1983), *Bank Runs, Deposit Insurance, and Liquidity*, *Journal of Political Economy*, Vol. 91, No. 3.
 4. Hà Anh (2024), *Hoàn thiện pháp lý và chuẩn hoá hạ tầng kỹ thuật: Tạo nền tảng thúc đẩy số hoá ngân hàng*, <https://tapchi.nganhang.gov.vn/hoan-thien-phap-ly-va-chuan-hoa-ha-tang-ky-thuat-tao-nen-tang-thuc-day-so-hoa-ngan-hang-523.html>
 5. Hamid Ghanbari, “Reversing the Burden of Proof in Electronic Banking”, *Journal of Monetary & Banking Research*, Vol. 4, No. 12 (2012).
 6. Ionașcu A., Barbu C.A. & Popa A. (2023), “Ethics in the Banking Sector”, *Global Ethics - Key of Sustainability (GEKOS 2022)*, Vol. 19, A. Grigorescu & V. Radu (vol. ed.), Lumen Proceedings.
 7. Joseph Stiglitz, Andrew Weiss (1981), “Credit Rationing in Markets with Imperfect Information”, *The American Economic Review*.
 8. Lê Thị Thu Thủy, Lưu Tùng Lâm, (2022), “Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Dân chủ & Pháp luật*, số 4 (361), tháng 4.
 9. Maciej Mikliński, (2021), “The origins and evolution of deposit banking activities - analysis of the literature”, *Financial Law Review*, No 23(3)/2021.
 10. Martin Čihák, Sònia Muñoz, Shakira Teh Sharifuddin và Kalin Tintchev (2012), “Financial Stability Reports: What Are They Good For?”, *IMF Working Paper*, No. WP/12/1, DOI: 10.5089/9781463929923.001
 11. Mehran, H., & Laurens, B., (1997), *Interest rates: An approach to liberalization*, Finance & Development, 34(2).
 12. Mishkin, F. S, (2019), *The Economics of Money, Banking, and Financial Markets*, 12th edition, Pearson.
 13. Phạm Thị Hồng Nhung, Bùi Thị Ngọc, Nguyễn Thị Thanh (2024), “Nghiên cứu Chiến lược phát triển ngành ngân hàng – Thực trạng và một số khuyến nghị”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, kì 2 tháng 4 (số 262).
 14. UK Parliament (2019), *Economic Crime: Consumer view: Fifth report of Session 2019–20 (HC 224)*, House of Commons Treasury Committee, <https://publications.parliament.uk/pa/cm201919/cmselect/cmtreasy/224/224.pdf>
 15. Will Martin (2019), *A Danish bank is launching a 0.6% negative interest rate on its savings accounts for millionaires*, <https://www.businessinsider.com/jyske-bank-denmark-negative-interest-savings-over-million-2019-8>
 16. Yaxley, Louise (2018), *Commonwealth Bank charged fees to dead clients, royal commission hears*, The Guardian, <https://www.theguardian.com/australia-news/2018/apr/19/commonwealth-bank-charged-fees-to-dead-clients-royal-commission-hears>